**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH LỢI**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Xuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Minh Chiếu

2. Ông Trần Hồng Tư

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng T,** sinh năm 1966
Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu *(có mặt)*

*2. Bị đơn:* Bà **Phan Thị Hồng P,** sinh năm 1972
Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, nguyên đơn, ông Nguyễn Hoàng T, trình bày:* Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Hồng P chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25 tháng 02 năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông T và bà P có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1994 và Nguyễn Trung Q, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2001; tài sản chung và nợ chung, không có. Trong quá trình chung sống, ông T và bà P có xảy ra cãi nhau, bà P không hài lòng, đã bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2017 đến nay không về. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà P; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; còn cháu M và cháu A, hiện nay đã trưởng thành nên ông T không

yêu cầu. Ông T và bà P chung sống không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với lời trình bày của bị đơn, bà Phan Thị Hồng P:* Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà P đến Tòa nhiều lần, nhưng bà P không có mặt tại địa phương nên không có ý kiến, lời khai của bà P. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không công nhận ông T và bà P là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Q cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi cháu Q nên không đặt ra giải quyết. Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ông T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bà P. Khi khởi kiện, bà P cư trú tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo hòa giải hai lần nhưng bà P đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được mà phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân huyện V đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông T yêu cầu ly hôn với bà P do bà P bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, nhưng ông T và bà P chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25 tháng 02 năm 1991 cho đến nay mà vẫn không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà P mà cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận ông T và bà P là vợ chồng.

Về con chung, ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q. Xét thấy, do cháu Q không có mặt tại địa phương mà đã đi làm ở nơi khác nên không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu Q, nhưng khi bà P bỏ đi thì cháu Q vẫn sống chung với ông T và hiện nay bà P cũng không thể hiện nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q nên chấp nhận yêu cầu của ông T; giao cháu Q, cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông T không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi cháu Q nên không đặt ra giải quyết.

Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với cháu M, sinh năm 1992 và cháu A, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1994, đã trên 18 (tuổi) nên không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định ông T và bà P không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bà P không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông T phải nộp 300.000 đồng; ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013116 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 phần II mục A của

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Hồng P là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung Q, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2001 cho ông Nguyễn Hoàng T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Hoàng T không yêu cầu bà Phan Thị Hồng P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trung Q nên không đặt ra giải quyết.

Bà Phan Thị Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1994, đã trên 18 (tuổi) nên không đặt ra giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Hoàng T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013116 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Lê Thị Mỹ Xuyến**